

BÀN THÊM VỀ NGUYÊN NHÂN THEO TIN LÀNH CỦA MỘT BỘ PHẬN NGƯỜI HMÔNG

Tóm tắt: Những năm gần đây, sự phát triển của Tin Lành trong đồng bào Hmông và một số tộc người khác ở khu vực Tây Bắc có nhiều biến động. Do tính chất cộng đồng người Hmông và một số tộc người khác nhau cùng sinh sống trên vùng lãnh thổ nhiều quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar, điều này trở thành câu chuyện không chỉ trong phạm vi Việt Nam mà là vấn đề chung của nhiều nước¹. Ở Việt Nam, việc Tin Lành trong một thời gian ngắn bùng phát ở cộng đồng người Hmông và một số dân tộc thiểu số kéo theo nhiều hệ lụy đa chiều cả tích cực và tiêu cực trên các mặt văn hóa - xã hội và chính trị - xã hội. Tuy hiện nay các cấp chính quyền đang tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với Tin Lành, nhưng không ít các cấp chính quyền địa phương vẫn có những băn khoăn, chưa hẳn đã thông tỏ. Bài viết này tìm cách lý giải những nguyên nhân khiến một bộ phận người Hmông theo Tin Lành. Đây mới chỉ là những phác họa ban đầu, cần có sự tiếp tục nghiên cứu để có những nhận định và đánh giá khách quan khoa học một cách toàn diện hơn.

Từ khóa: Người Hmông, Tin Lành, dân tộc, thiểu số, cải đạo.

1. Tổng quan về cộng đồng người Hmông theo Tin Lành²

Là một trong những cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú vắt ngang biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Trung - Lào, sự truyền bá Tin Lành vào đồng bào Hmông ở Việt Nam không tách rời sự truyền bá Tin Lành trong các cộng đồng này ở Trung Quốc và các nước trong khu vực. Năm 1998, chính quyền địa phương ở Việt Nam cũng đã phát hiện 27 người Trung Quốc ở Vân Nam nhập cảnh trái phép vào Lai Châu, Lào Cai và Hà Giang với mục đích truyền đạo không chỉ trong cộng đồng người Hmông mà cả người Dao và một số tộc người khác³. Cần khẳng định hiện tượng

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Đại học Quốc gia Hà Nội.

một bộ phận cộng đồng người Hmông bỏ tôn giáo truyền thống, cải đạo theo Tin Lành nói riêng, Kitô giáo nói chung là hiện tượng chung trong cộng đồng người Hmông ở nhiều nước trong khu vực.

Bảng 1. Số lượng người Hmông theo Kitô giáo (Công giáo và Tin Lành) ở một số nước trong khu vực

TT	Tên nước	Dân số người Hmông	Số tín đồ	Tỷ lệ (%)
1	Trung Quốc	7.398.035 (2000)	70.000 (1922)	0,94
2	Lào	315.465 (1998)	14.000 (1975)	4,4
3	Thái Lan	126.300 (1998)	5.000 (1990)	3,9
4	Myanmar	8.000-10.000 (2001)	500 (2003)	6,2

Nguồn: Nguyễn Văn Thắng (chủ biên, 2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới” - Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của Tin Lành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 106.

Tiếc rằng, chúng tôi chưa thu thập được số liệu người Hmông của các nước trong khu vực theo Tin Lành ở thời điểm hiện tại để có thể so sánh với các giai đoạn trước đây. Hơn nữa, những số liệu ở bảng trên do cập nhật ở những thời điểm khác nhau nên chỉ có giá trị tương đối. Nhưng, *thứ nhất*, những số liệu trên cũng cho thấy ở hầu hết các nơi có đồng bào Hmông sinh sống đều đã có một bộ phận cải đạo sang Kitô giáo. Trường hợp Trung Quốc chúng tôi chưa có điều kiện đánh giá, một phần bởi vì số liệu về những người theo Tin Lành ở Trung Quốc nói chung, trong cộng đồng người Hmông nói riêng, rất có thể chưa sát với thực tế. Số liệu của các cơ quan nhà nước Trung Quốc thông thường có xu hướng hạ thấp số tín đồ Kitô giáo nói riêng, tín đồ các tôn giáo nói chung, ở nước mình để làm nhẹ vấn đề. Số liệu về người Hmông theo Tin Lành ở Trung Quốc cách đây gần một thế kỷ càng không phản ánh đúng thực tại, do vậy, chỉ mang tính tham khảo. Trường hợp Lào, Thái Lan và Myanmar cho thấy một tỷ lệ lớn hơn, nhưng vẫn không cao như ở Việt Nam. *Thứ hai*, kể cả ở Việt Nam, nơi có tỷ lệ người Hmông theo Tin Lành cao hơn cả, thì số người Hmông duy trì tôn giáo truyền thống của họ vẫn là đa số.

Trước khi có một bộ phận người Hmông theo Kitô giáo, người Hmông là một trong những tộc người có bề dày lịch sử và bản sắc văn hóa rõ nét từ lâu đời. Cộng đồng này đều có nguồn gốc từ Nam Trung Quốc nhưng phải di cư xuống Đông Nam Á do những thăng trầm lịch sử của các triều đại quân chủ Trung Quốc. Dân tộc này có cách thức tổ chức cộng đồng xã hội riêng, có bản sắc văn hóa truyền thống đặc thù, với một

đời sống tôn giáo đã được định hình rõ nét. Tộc người Hmông có bản sắc văn hóa riêng rất độc đáo, không pha trộn với các tộc người khác từ trang phục tới ngôn ngữ, từ lối sống, sinh hoạt gia đình, họ tộc, cộng đồng tới các lễ nghi tôn giáo. Điều này giúp cho cộng đồng người Hmông giữ được những nét đặc thù từ bao đời nay, không dễ gì bị đồng hóa bởi các nền văn hóa, tôn giáo hay cộng đồng người khác. Đó chính là sức đề kháng khiến cho cộng đồng Hmông giữ được bản sắc trải qua những thăng trầm lịch sử nhiều thế kỷ.

Ngay từ thời thuộc địa đã có một bộ phận nhỏ người Hmông cải đạo theo Công giáo. Tuy nhiên, từ trên hai thập niên gần đây, từ khi Tin Lành được truyền bá nhanh chóng vào vùng các dân tộc thiểu số, nhất là nơi đồng bào người Hmông sinh sống, đa phần người Hmông thực hành các nghi lễ, thuộc các điều răn dạy một cách máy móc, chứ cũng không có điều kiện hiểu biết một cách cặn kẽ những giáo lý của tôn giáo này. Họ cũng ít quan tâm và ít hình dung những khác biệt giữa các hệ phái Tin Lành về tổ chức giáo hội và tôn chỉ. Do vậy, họ cũng không khó khăn khi quyết định rời bỏ hệ phái này chuyển sang hệ phái khác, bởi có khi đơn giản chỉ vì hệ phái khác này quan tâm tới họ hơn hay vì những người trong dòng họ ủng hộ theo hệ phái khác này, hay thậm chí vì lý do kinh tế.

Những số liệu mới nhất của các cơ quan quản lý Nhà nước cho thấy, số người Hmông theo Tin Lành đã đạt tới trên 200 ngàn người, chiếm chừng 1/5 dân số Hmông ở Việt Nam. Do phần lớn đồng bào Hmông cư trú tại Việt Nam là ở các tỉnh Tây Bắc, nên đa phần đồng bào Hmông theo Tin Lành cũng ở khu vực này. Theo thống kê sơ bộ của nhóm nghiên cứu, đồng bào Hmông theo Tin Lành ở 12+2 tỉnh thuộc phạm vi của Ban Chỉ đạo Tây Bắc hiện đã tới con số chừng 170 - 180 ngàn, tức khoảng 20% dân số người Hmông nơi đây⁴. Ban đầu, Tin Lành được truyền bá vào những nơi vùng sâu vùng xa, những nơi đồng bào gặp nhiều khó khăn về kinh tế và cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông, v.v., nhưng sau đó lan sang cả những khu vực gần đô thị và có đời sống khá hơn. Dù thế nào, luôn tồn tại một thực tế không phủ nhận được là: trong lịch sử hàng nghìn năm tồn tại, chưa bao giờ số người Hmông theo Kitô giáo lại lớn và diễn ra trong một thời gian ngắn như hiện nay. Chưa bao giờ các tôn giáo truyền thống của dân tộc này gặp nhiều thách đố trước sự truyền bá các trào lưu tôn giáo bên ngoài như hiện nay. Đây là một sự bất thường.

Khi xem xét những đặc trưng của cộng đồng người Hmông theo Tin Lành, chúng tôi thấy có mấy nét chính như sau: *Một là*, cộng đồng này

không hề nhỏ, về số lượng đạt con số trên hai trăm ngàn người. Do đó, vai trò, tác động xã hội của họ tới cộng đồng người Hmông nói riêng, tình hình văn hóa và chính trị - xã hội Tây Bắc và cả nước nói chung, càng không nhỏ chút nào. Nó cũng cho thấy bộ phận những người Hmông gia nhập Tin Lành (tính từ 1987) không dễ từ bỏ tôn giáo mới này để trở về với tôn giáo truyền thống của dân tộc mình.

Hiện trạng đồng bào Hmông theo Tin Lành trong cộng đồng người Hmông gần tương tự như hiện trạng của người Việt Nam theo Công giáo nửa đầu thế kỷ XIX. Cũng như bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam thế kỷ XIX tạo ra những tiền đề xã hội cho sự truyền bá Công giáo (cho nên các chính sách cấm đạo của triều Nguyễn tỏ ra bất lực, trừ phi có những tác nhân bên trong cộng đồng dẫn họ tới chỗ bỏ đạo hay nhậ đạo). Xã hội Việt Nam nói chung, cộng đồng Hmông nói riêng hiện nay, không thể dễ dàng đẩy cộng đồng theo Tin Lành ra khỏi cơ thể của mình. Thêm vào đó, sự gia tăng cộng đồng đồng bào theo Tin Lành với một tốc độ lớn, từ chỗ có những tín đồ đầu tiên cho tới cả chục vạn người trong vòng hai chục năm qua, cho thấy rõ ràng cộng đồng người Hmông hiện đang ở một tình trạng “không bình thường”. Do vậy, vấn đề đặt ra bây giờ không phải là làm thế nào làm suy giảm hay hạn chế sự gia tăng hay kìm hãm ảnh hưởng của cộng đồng này bởi thực tế những năm qua, các biện pháp của các cấp chính quyền nhằm ngăn trở sự phát triển của cộng đồng này tỏ ra thiếu hiệu quả. Cái chính là giữ cho cộng đồng này an tâm với các chính sách của nhà nước, sống “tốt đời đẹp đạo”, chấp hành các chính sách, pháp luật của các cấp chính quyền.

Hai là, cộng đồng người Hmông theo Tin Lành khá phân tán về địa bàn cư trú và đa dạng về các hệ phái, nhưng cộng đồng này cũng rất thống nhất. Họ thống nhất ở hai điểm: i) Có những phương thức sống, canh tác sinh hoạt của người Hmông, không lẫn với các dân tộc khác; ii) Cũng sinh sống ở những nơi có địa hình hiểm trở, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng kém phát triển, thuộc những vùng xa xôi hẻo lánh nhất của đất nước, nhưng họ hướng tới niềm tin vào Chúa Jesus Christ với tính hướng thiện, chí ít là ở phương diện lý thuyết.

Tuy nhiên, cộng đồng người Hmông theo Tin Lành không thuần nhất. Về địa bàn cư trú, người Hmông theo Tin Lành có mặt ở tất cả các tỉnh phía Bắc, nhưng tập trung đông nhất ở hai tỉnh là Lào Cai và Điện Biên. Các thành viên cộng đồng này rất đa dạng về thời điểm gia nhập cộng đồng, có người theo Tin Lành đã hai chục năm nay, nhưng cũng có gia

đình mới biết tới tôn giáo này có vài tháng. Có những người am hiểu giáo lý của tôn giáo này, trực tiếp tham dự các khóa học ngắn hạn và dài hạn của các cơ sở đào tạo giáo lý của hệ phái ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, chịu ảnh hưởng sâu sắc các điều răn dạy của Đấng Christ. Nhưng đại bộ phận là những người có hiểu biết hạn chế tuy dù theo đạo cả chục năm nay. Cũng có người mới gia nhập đạo nên càng có nhận thức hạn chế về giáo lý của tôn giáo này. Họ là những tín đồ của hàng chục hệ phái Tin Lành khác nhau như Hội thánh Tin Lành miền Nam thuộc Hội Truyền bá Phúc âm Liên hiệp (Christian Missionary Alliance, viết tắt là CMA), Hội Liên hữu Cơ Đốc, Hội Thánh Baptist, Hội Cơ Đốc Phục lâm, Hội Thánh Tin Lành Miền Bắc, v.v.. Do vậy, cộng đồng này chịu ảnh hưởng của các quan điểm thần học, giáo lý khác nhau, nhiều khi pha trộn với các “tôn giáo mới”.

Ba là, đây là cộng đồng có tính liên kết chặt chẽ. Những kết quả nghiên cứu thực địa bước đầu cho thấy rõ ràng Tin Lành có ảnh hưởng không nhỏ tới lối sống, tập quán của đồng bào. Điều dễ thấy là sự bình đẳng nam nữ, không còn chế độ gia trưởng như trong gia đình người Hmông truyền thống. Những người phụ nữ không còn e ngại khi thể hiện mình trước công chúng. Họ thể hiện khả năng tổ chức, duy trì sinh hoạt và tồn tại của cộng đồng. Bình thường, cộng đồng Hmông vốn đã được tổ chức rất chặt chẽ theo các dòng họ và các nghi thức truyền thống. Nay, bên cạnh đó, họ sinh hoạt trong một tổ chức tôn giáo, các hội thánh Tin Lành. Trong khi việc truyền bá Tin Lành chưa hoàn toàn được sự ủng hộ của chính quyền các cấp thì sự liên kết của cộng đồng này càng bền chặt nhằm để giữ đạo nếu các cấp chính quyền o ép. Có một điều rất rõ là những người theo Tin Lành, nhất là phụ nữ, tìm thấy trong tôn giáo này một bề dờ tinh thần vô cùng quan trọng. Trước đây, người phụ nữ Hmông vì một lý do nào đó thường hay tìm đến lá ngón để quên sinh, thì nay họ tìm thấy ở tôn giáo này một phương tiện cứu sinh, giải tỏa những áp lực về tinh thần. Sự truyền bá Tin Lành, do vậy, cũng làm thay đổi “cán cân” quyền lực trong gia đình với việc gia tăng vai trò và địa vị của người phụ nữ, suy giảm tính gia trưởng. Không những vậy, sự truyền bá Tin Lành cũng làm thay đổi cả “cán cân quyền lực” với sự suy giảm của đội ngũ những chức sắc của tôn giáo truyền thống từ bao đời nay như thầy mo, thầy cúng (Chí Nénh), bà cô, v.v., và gia tăng quyền lực của lớp người mới là những mục sư và những nhà truyền đạo.

Bốn là, cộng đồng người Hmông theo Tin Lành khá năng động. Họ là những người chăm chỉ làm ăn kinh tế, học hỏi, tiếp thu nhiều nguồn thông

tin từ bên ngoài, từ phía những người cùng đức tin cũng như qua nhiều kênh trao đổi thông tin khác. Những người Hmông này thuộc những thành phần dễ di cư nhất, cởi mở nhất với thế giới bên ngoài trong cộng đồng Hmông bởi ngoài những tác nhân dẫn họ di cư như điều kiện canh tác như bao đồng bào Hmông khác, nay họ còn chịu tác động của các yếu tố tôn giáo, theo tiếng gọi của bề trên là những mục sư và những nhà truyền đạo. Những yếu tố này khiến cộng đồng Hmông theo Tin Lành trở thành những con người năng động, có quan hệ với các tổ chức quốc tế.

Điều này chẳng khác gì một con dao hai lưỡi đối với các cấp chính quyền. Nếu các chính sách của chính quyền phù hợp với họ, đáp ứng mong mỏi của họ, thì cộng đồng này là những người tiên phong ủng hộ nhà nước, vận động các đồng bào khác tham gia, hưởng ứng. Nhưng trong trường hợp ngược lại, họ cũng dễ có những hành vi cực đoan, những hành vi manh động dễ gây sức ép buộc chính quyền phải nhượng bộ, hay nghiêm trọng hơn là chống phá chính quyền. Đây thực sự là những thách thức lớn cho các cấp chính quyền.

Năm là, không nên nhìn nhận cộng đồng người Hmông theo Tin Lành như một khối bất định, mà thực tế nó cũng đang có những biến động lớn. Vẫn thường xuyên xảy ra chuyện những người Hmông bỏ hệ phái này, theo hệ phái Tin Lành khác có khi chỉ vì những lý do đơn giản như dòng họ, sự quan tâm về vật chất và tinh thần, v.v.. Ngay giữa những người Hmông theo Tin Lành với nhau không phải không có những mâu thuẫn, như giữa những người tuân thủ các quy định chặt chẽ của tôn giáo này với những người vẫn nghiện rượu, cãi chửi nhau, trộm cắp, hay bản thân người Hmông theo Tin Lành cũng thuộc nhiều hệ phái khác nhau làm cho sự gắn kết của cộng đồng này gặp khó khăn nhất định, v.v.. Ngay từ năm 1997, xu hướng nhạt đạo cũng đã bắt đầu xuất hiện ở Tuyên Quang và Hà Giang. Có ba khuynh hướng nhạt đạo hay bỏ đạo Vàng Trứ với con số đến cả ngàn người từ năm 1998 tới 2001: Một số người từ bỏ Vàng Trứ, quay lại với thờ cúng tổ tiên; một số khác từ bỏ Vàng Trứ một cách lửng lơ; một số từ bỏ Vàng Trứ nhưng lại không quay lại với thờ cúng tổ tiên nữa, phân vân giữa ngã ba đường⁵. Dù cách nào, quay lại hay không quay lại tôn giáo truyền thống thì hiện tượng người Hmông theo Vàng Trứ hàng loạt, rồi trong một thời gian ngắn lại có một số nhạt đạo, v.v., cho thấy người Hmông hiện nay đang rơi vào khủng hoảng về niềm tin tôn giáo. Một bộ phận không

nhỏ không còn tha thiết với tôn giáo truyền thống, nhưng cũng không mặn mà với Vàng Trứ mà tìm kiếm một tôn giáo mới. Đây là môi trường tốt để các tôn giáo mới nảy nở.

Tóm lại, người Hmông là tộc người có bề dày lịch sử, có cách thức tổ chức xã hội, văn hóa và tôn giáo truyền thống khá bền vững. Nếu không có những tác nhân nội tại và ngoại vi đáng kể nào khiến cho người Hmông “nhặt” với tôn giáo truyền thống của họ, làm suy yếu sức đề kháng trên thì Tin Lành nói riêng, các tôn giáo bên ngoài nói chung không dễ dàng xâm nhập, cắm rễ vào cộng đồng người Hmông.

2. Những căn nguyên khiến một bộ phận người Hmông theo Tin Lành

Đời sống, văn hóa và tôn giáo của người Hmông có những biến đổi trong những thập niên gần đây. Một phần do những tác động của chính sách dân tộc cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước Việt Nam. Trước hết, cần phải nói đến những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Bên cạnh nương rẫy truyền thống, ở một số nơi đã bắt đầu phát triển kinh tế vườn, trồng cây dược liệu, cây ăn quả, đặc sản. Kinh tế hàng hóa bắt đầu xuất hiện. Môi trường giao tiếp văn hóa được mở rộng và nâng cao. Vùng người Hmông đã xuất hiện đô thị. Đường xá, cơ sở hạ tầng phát triển làm cho sự giao lưu văn hóa của người Hmông được mở rộng. Các yếu tố văn hóa truyền thống đan xen với các yếu tố văn hóa hiện đại. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể quan tâm vùng đồng bào các dân tộc, cử các đội thông tin lưu động, các đội văn nghệ đến phục vụ các phiên chợ, các làng Hmông, trong đó có các tiết mục văn nghệ dân gian, múa khèn, sáo, kèn lá, hát dân ca, v.v., được nhiều người Hmông tham gia.

Có nhiều lý do lý giải tại sao Kitô giáo có thể truyền bá vào vùng đồng bào người Hmông. *Thứ nhất*, phải kể tới một thực tế là có một số điểm tương đồng trong vũ trụ quan, trong giáo lý Kitô giáo và đạo lý người Hmông. Về tôn giáo, trước hết cần nhấn mạnh vũ trụ quan của người Hmông. Theo quan niệm của họ, vũ trụ tồn tại hai thế giới: thế giới trần gian trên mặt đất nơi con người đang sinh sống và thế giới trên trời, nơi có ông Trời và các vị thần của người Hmông. Tổ tiên sinh sống ở một góc nào đó trên Trời. Bầu trời và mặt đất là do ông Chảy, bà Chảy tạo ra. Vũ trụ quan này có những nét tương đồng với vũ trụ quan của người Kitô giáo về thế giới trần thế (của con người) và thế giới siêu trần thế (nước Chúa). Quan niệm về cái sống và cái chết xuất phát từ trong huyền thoại của người Hmông: Con người được sinh ra từ lòng đất. Ban đầu con

người vốn được sống hạnh phúc trường tồn, chả biết đến cái khổ, cái chết là gì. Điều đó làm ông Trời tức giận, cho rằng như thế là ngang bằng với mình. Từ đó, ông Trời bắt người ta phải chết, rồi bệnh tật,...

Như thừa sai F. M. Savina đã lạc quan cho rằng, không khó để vận động đồng bào Hmông theo Kitô giáo bởi sự tương đồng trong giáo lý. “Khá dễ dàng ghép đạo lý Gia tô vào đạo lý dân tộc Mèo, chỉ cần nhắc bỏ đi vài lần, xóa hẳn đi vài thiên kiến quan hệ tới bản chất của Thượng đế (...) Tóm lại muốn ghép đạo lý của ta vào đạo lý của dân tộc Mèo chỉ cần sửa lại và bổ sung thêm các niềm tin của họ để đi tới chỗ dành cho cả hai nền đạo lý chung một tôn giáo làm nền tảng”⁶.

Thứ hai, cũng phải thấy rằng các nhà truyền đạo Phương Tây đã có những phương pháp truyền đạo hiệu quả dựa trên những nghiên cứu của họ về phong tục tập quán, tổ chức xã hội của người Hmông. Các nhà truyền đạo chủ trương truyền đạo cho trưởng họ, rồi từ trưởng họ, họ truyền bá đạo cho các thành viên còn lại trong họ tộc. Các nhà truyền đạo cũng can thiệp với chính quyền thuộc địa cho đồng bào theo đạo Kitô một số ưu đãi như cấp ruộng nương, giảm thuế. Không chỉ có vậy, họ còn dịch Kinh Thánh sang tiếng Hmông. Họ dùng chữ Latin phiên âm tiếng Hmông, làm chữ Hmông. Thừa sai F. M. Savina đưa một số người Hmông thăm Hà Nội và vùng đồng bằng Bắc Bộ cho họ biết thế giới bên ngoài, rằng đất nước này không chỉ có núi và đá nơi quê họ, v.v.. Các giáo sĩ thừa sai đầu tiên truyền bá Kitô giáo ở cả Trung Quốc và Việt Nam đã công phu và bài bản trong việc cải đạo đồng bào Hmông.

Một câu hỏi đặt ra: Tại sao người Hmông không cải đạo sang các tôn giáo khác, mà lại là Tin Lành? Câu trả lời ở đây rõ ràng phải tìm trong đặc thù riêng của Tin Lành. Là một tôn giáo cải cách, giản tiện về nghi lễ thờ cúng, hành lễ, không có tổ chức giáo hội chặt chẽ. Việc một bộ phận người Hmông ban đầu theo Công giáo, nhưng sau cải đạo sang Tin Lành cho thấy điều đó. Bản thân, lúc đầu đồng bào theo đạo chủ yếu cũng là từ việc nghe đài, chứ không phải được trực tiếp các nhà truyền đạo thuyết giảng. Rõ ràng, đó là một số những ưu thế của Tin Lành. Thực tế cũng cho thấy đa phần những người Hmông theo Tin Lành còn hiểu biết rất hạn chế về giáo lý của tôn giáo này.

Thứ ba, là những lý do đời sống kinh tế. Trong bối cảnh đa phần đồng bào Hmông sống vùng núi cao, hiểm trở, đời sống kinh tế khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, trong khi đó việc theo Tin Lành giúp giảm nhiều sự

tốn kém trong các nghi lễ, tập tục. Những nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Văn Thắng thuộc Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam cho thấy, nếu người theo Tin Lành lấy người không theo đạo thì số tiền thách cưới chỉ 250 ngàn VND và chỉ cần trượng nhóm làm lễ là xong. Nhưng nếu người theo Tin Lành là nam giới lấy người không theo Tin Lành là nữ thì thống nhất số tiền thách cưới khoảng 4 triệu VND và nghi thức cưới xin không đơn giản. Việc truyền bá Tin Lành cũng dẫn tới việc phân chia ngay trong một chi họ, ngay trong một gia đình họ tộc của đồng bào Hmông giữa những người theo đạo bỏ hết việc cúng ma với những người vẫn giữ phong tục truyền thống. Những nơi đồng bào theo Tin Lành còn ít thì họ bị cô lập, buộc phải tìm cách di cư tới những nơi khác có nhiều tín hữu. Ngược lại, những nơi đồng bào không theo đạo chỉ là thiểu số thì họ cũng lại bị cô lập bởi những người theo đạo⁷.

Cũng cần phải khẳng định, chi phí cho việc duy trì những nghi lễ, tập tục truyền thống của người Hmông khá tốn kém, một gánh nặng kinh tế, nhất là đối với những gia đình khó khăn. Theo ước tính của nhóm nghiên cứu này, tổng chi phí cho cả ma bố và ma mẹ của người con trai đã lập gia đình khoảng 10,64 triệu VND (cụ thể: 1 con bò hoặc trâu sừng dài bằng tay hay bắt đầu vục cày kéo, 20 kg lợn, 20 lít rượu, 20 kg gạo) và của con gái đã đi lấy chồng là khoảng 5,768 triệu VND (80kg lợn hơi, 1 bộ áo váy, 2m vải xô trắng). Bên cạnh đó còn là thời gian, công sức, nấu nướng⁸.

Không khó hiểu khi những người Hmông đầu tiên theo Kitô giáo thời thuộc địa không chỉ do nhu cầu tôn giáo, mà chủ yếu là xuất phát từ tâm lý thực dụng: theo Chúa không chỉ vì hạnh phúc nơi Thiên đàng mà vì những vấn đề thiết thân trong cuộc sống hằng ngày: được cấp ruộng nương, có chỗ dựa mới, bỏ lễ cúng ma tốn kém⁹. Khát vọng thoát khỏi cảnh đói nghèo, mong mỗi có một cuộc sống no đủ là nguyên nhân cơ bản khiến một bộ phận không nhỏ người Hmông theo Tin Lành. Do vậy, suốt thời kỳ hậu thuộc địa từ năm 1945 cho tới giữa những năm 1980, con số người Hmông theo Kitô giáo giảm đáng kể chỉ còn 56 hộ ở Sa Pa và vài chục hộ ở Trạm Tấu.

Qua phỏng vấn những người Hmông theo Tin Lành, đa số đều nhắc tới những nguyên nhân kinh tế. Thậm chí, có nhận định ban đầu là đa phần những người Hmông theo Tin Lành đều nghĩ rằng nguyên nhân kinh tế là cơ bản nhất để họ từ bỏ chuyện cúng ma và nhiều tập tục tôn giáo truyền thống, theo tôn giáo mới được du nhập từ Châu Âu này. Dưới

đây là đoạn phỏng vấn một gia đình theo Tin Lành ở xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên:

Hỏi: Tại sao bác và cả gia đình lại bỏ chuyện cúng ma, theo Tin Lành?

Trả lời: Tại vì cúng ma tốn kém lắm. Nuôi được con bò nào, nuôi được con lợn nào, cho vào việc cúng ma hết. Đói khổ lắm. Không cúng ma, không cúng tổ tiên thì không được, mà cúng thì sau lại mắc nợ.

Hỏi: Cuộc sống của bác có gì thay đổi từ khi theo đạo?

Trả lời: Trước kia hay uống rượu. Cũng chỉ thú làm ăn, nhưng từ ngày theo đạo bỏ uống rượu, chăm làm ăn hơn. Bỏ chuyện cúng ma vì Chúa và ma không hợp nhau, nên thờ Chúa thì bỏ ma, thờ ma thì không được thờ Chúa. Khi có người ốm đưa đi bệnh viện và cầu nguyện mong Chúa phù hộ¹⁰.

Những nguyên nhân kinh tế là những điều dễ thấy nhất về mặt trực quan. Tuy nhiên, nếu nhìn vấn đề rộng hơn, thì chưa hẳn đây lại là những nguyên nhân căn bản nhất khiến cộng đồng người Hmông theo Tin Lành. Từ cả thế kỷ nay, người Hmông vốn vẫn luôn sống trong đói nghèo, nhưng chỉ từ cuối những năm 1980 trở lại đây mới có chuyện cải đạo sang Kitô giáo một cách ồ ạt.

Thứ tư, xuất phát từ dân trí. Có một thực tế không thể phủ nhận là trình độ dân trí của đồng bào Hmông nói riêng, các dân tộc thiểu số nói chung khá thấp. Tỷ lệ người có trình độ trên đại học của đồng bào Kinh là 1/6.043, trình độ đại học là 1/90 người, trung cấp là 1/54, trong khi tỷ lệ tương ứng nơi đồng bào các dân tộc thiểu số là 1/72.554 người trình độ trên đại học, trình độ đại học 1/441, trình độ trung cấp 1/111 người. Ở một số tộc người cụ thể: 0,3% người dân tộc Tày, 0,7% dân tộc Mường, 0,06% dân tộc Hmông có trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng. Cùng với dân trí thấp, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số cũng thuộc những vùng nghèo nhất trên cả nước. Riêng ở Sơn La có 18.534 hộ người Hmông nghèo, chiếm tỷ lệ 75,99% số người Hmông và 21% số hộ nghèo trong toàn tỉnh (2006)¹¹.

Hiện nay, người Hmông thuộc một trong những dân tộc thiểu số có trình độ dân trí khá thấp. Tỷ lệ những người mù chữ thuộc loại cao.

Bảng 2: Tỷ lệ người các dân tộc trên 5 tuổi không đến trường ở Lào Cai

STT	Dân tộc	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ nữ (%)
1	Việt (Kinh)	10,0	11,8
2	Tày	20,0	25,1

2	Nùng	41,1	47,1
4	Giáy	45,5	58,5
5	Thái	60,7	78,9
6	Kháng	63,5	78,9
7	La ha	64,4	79,1
8	Dao	70,0	81,3
9	Phù Lá	73,8	87,2
10	Bồ y	79,5	85,8
11	La chí	89,9	93,8
12	Lào	90,9	99,35
13	Hmông	92,16	98,08
14	Hà Nhì	96,42	99,23

Nguồn dẫn theo: Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 205.

Bảng trên cho thấy người Hmông là một trong những dân tộc có tỷ lệ người không đến trường học cao nhất. Đương nhiên, đây là những số liệu của tỉnh Lào Cai, chưa phải là tình trạng chung của người Hmông trong cả nước. Có điều, Lào Cai một trong những tỉnh có số lượng đồng bào Hmông khá cao trong cả nước, cũng không phải là tỉnh thuộc dạng kém phát triển trong số những tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc. Vì vậy, nó cho thấy thực trạng của người Hmông không chỉ ở tỉnh Lào Cai mà còn ở vùng Tây Bắc nói chung. Tình trạng này ít nhiều được cải thiện trong hai chục năm qua, nhưng chưa đáng kể.

Thứ năm, xuất phát từ tâm lý lịch sử đặc thù của người Hmông. Có mối liên hệ hữu cơ giữa hiện tượng “xung vua” với Vàng Trứ. “*Vàng Trứ là hình ảnh một “ông vua” và cũng chính là hình ảnh của đấng cứu thế trong tín ngưỡng truyền thống*. Và lễ tổ chức chuẩn bị đón Vàng Trứ cũng tương tự như việc đón vua trong các vụ xung vua trước đây: bỏ sản xuất, giết thịt gia súc, rủ nhau ban đêm vào rừng luyện tập bay lên trời”¹². Vương Duy Quang ủng hộ quan điểm này. “Phong trào Vàng Trứ đã được bắt đầu hoàn toàn giống như các cuộc “xung vua” trong xã hội người Hmông. Thoạt đầu, người ta cũng loan tin Vàng Trứ sắp ra, Vàng Trứ sắp xuất hiện và những người khởi xướng việc này cũng như các phần tử quá khích đều tự nhận mình là “Người của Vàng Trứ” (...) và cũng giống như “xung vua”, tin Vàng Trứ sắp về được người ta lan truyền liên tục trong bầu không khí hư hư thực thực với những lời sấm truyền (...) Cuối cùng, người ta đáp ứng sự khát khao của những con người này bằng hứa hẹn, kèm theo biết bao điều bắt buộc, hù dọa”¹³. Theo Vương Duy Quang, một trong những lý do khiến người Hmông tin vào các hiện tượng xung vua cũng như Vàng Trứ đó là người Hmông lan

truyền câu chuyện được chuyển tải từ cội nguồn lịch sử của dân tộc này qua nhiều thế hệ: xưa kia, vua Hmông đánh nhau với người Hán, bị người Hán giết. Trước khi chết, vua Hmông dặn lại: “Nghìn năm sau tôi sẽ sống lại, sẽ làm cho người Hmông sung sướng, sẽ có đất nước cho người Hmông”¹⁴.

Thứ sáu, có lẽ đây cũng là nguyên nhân căn bản và sâu xa nhất, một bộ phận người Hmông đánh mất niềm tin vào cuộc sống thực tại, vào đời sống tâm linh cũng như văn hóa truyền thống cả ngàn năm nay của dân tộc mình. Bên cạnh những lý do nêu trên, điều này lý giải vì sao, từ cuối những năm 1980 đến nay người Hmông lại theo Kitô giáo với một số lượng không nhỏ trong một thời gian ngắn. Nói cách khác, sự suy yếu của các tôn giáo truyền thống và các giá trị văn hóa truyền thống như một sức đề kháng, một “hệ miễn dịch” của cộng đồng người này đối với các thành tố văn hóa tôn giáo ngoại lai, là nguyên nhân căn bản nhất dẫn tới những thành công của Tin Lành nơi đây. Dường như đây được xem là một nguyên nhân sâu xa và căn bản nhất, là kết quả tích tụ nhiều thập kỷ của hàng loạt những nguyên nhân trên, dẫn tới sự phát triển mạnh của Tin Lành không chỉ nơi đồng bào Hmông mà nhiều dân tộc thiểu số khác.

Như vậy, có thể nói, chính sự suy yếu của các tôn giáo truyền thống tạo ra chỗ trống để Tin Lành thế chỗ là nguyên nhân quan trọng nhất. Do đó, chúng tôi muốn đi sâu phân tích căn nguyên này. Người Hmông theo đa thần giáo, chịu ảnh hưởng của Shaman giáo. Họ tin rằng trong cuộc sống, họ được các vị thần giúp đỡ, chẳng hạn, ông Chơ Nghĩa dạy họ các nhạc cụ dân tộc cũng như trong ứng xử, ông Lias Lư định ra phép tắc cưới xin, bà Niav Ngaaul Chơ dạy họ cách thêu thùa, ông Zyz Zi giúp họ thắng bệnh tật.

Bên cạnh tổ chức dòng họ, còn phải kể tới vai trò của thầy pháp sư hay thầy cúng (Chí Nénh, tiếng Hmông Txir Ninhz hay Txir Nénhz) được xã hội người Hmông coi như một nghề. Chí Nénh là một thành viên trong sinh hoạt tâm linh của người Hmông, giúp cộng đồng phát hiện nguyên nhân gây ốm đau, tìm cách trừ bệnh cho mọi người. Hiện “tuy đời sống vật chất và văn hóa mới phát triển, điều kiện giáo dục và y tế được nâng dần lên, Chí Nénh vẫn còn đóng một vai trò quan trọng đối với đời sống tâm linh của người Hmông, có ý nghĩa thực tiễn trong việc tham gia vào các mối quan hệ xã hội và có một vị trí nhất định trong tổ chức xã hội truyền thống của dân tộc Hmông”¹⁵. Ở hầu hết các làng đều

có các thầy cúng, thậm chí mỗi làng có nhiều Chí Nénh. Trước kia số Chí Nénh nhiều, còn hiện tại, số Chí Nénh ít, nhưng vai trò của họ vẫn rất lớn trong xã hội người Hmông. Bất cứ hiện tượng bất thường nào xảy ra trong cuộc sống hằng ngày như trong gia đình có người đau ốm, ma chay, rồi tới cả chuyện xưng vua người Hmông đều phải nhờ cậy Chí Nénh. Theo quan niệm của họ, người ta đau ốm là do linh hồn người đó phiêu du hay bị ma quỷ cầm giữ. Ma quỷ đặc biệt hay bắt linh hồn của những phụ nữ mang thai để làm cho họ khó sinh đẻ. Vì vậy, Chí Nénh tựa như là người có thể đối thoại giữa thế giới trần thế với thế giới của những người quá cố, họ sẽ dùng các phép thuật để dụ linh hồn người đó về với thân chủ, trừ ma quỷ.

Chí Nénh có thể là người trong hoặc ngoài họ tộc. Có 2 loại Chí Nénh. Chí Nénh có ma (neeb) khi được ma lựa chọn. Ma thường báo cho Chí Nénh biết là người đó được ma lựa chọn bằng một trận ốm thập tử nhất sinh hoặc qua giấc mơ. Sau khi được bản thân Chí Nénh kiểm định bằng cách bói que, Chí Nénh sẽ phải làm lễ để đón ma. Nhờ có ma, Chí Nénh có thể nhập vào thế giới của các ma, có sức mạnh chi phối các ma, có thể chẩn đoán và chữa trị các bệnh. Còn dạng Chí Nénh thứ hai là những người do học mà thành. Uy tín của Chí Nénh tùy thuộc vào sự cao tay của họ và họ luôn là tâm điểm khiến nhiều người tìm đến để nhờ cậy. Họ như những người kết nối giữa các dòng họ của người Hmông. Chí Nénh không phải theo kiểu cha truyền con nối, cũng không có trang phục riêng. Đó là những người có uy tín, có phẩm giá, tự xưng là họ đã bị “đá lénh” nhập vào làm cho họ có một số khả năng đặc biệt khác người thường. Chí Nénh có thể truyền, dạy nghề cho một vài ai đó muốn học nghề.

Để hành nghề, Chí Nénh phải có bàn thờ riêng. Để nói chuyện được với ma quỷ, Chí Nénh dùng “kạ lénh” (đồng âm dương) trong đó mặt ngửa là tượng trưng cho hồn của người cần chữa bệnh, mặt sấp tượng trưng cho hồn ma. “Sa man giáo tác động mạnh mẽ đến đời sống tinh thần và chính trị người Hmông (...) Các thầy cúng Sa man không chỉ là người cầu cúng, chữa bệnh cho người Hmông mà còn là những người am hiểu “đường lý lẽ”, phong tục tập quán Hmông. Họ là những người uy tín trong dân. Từ việc chuyển nhà, làm lễ gọi hồn cho trẻ nhỏ (...) đều có ý kiến và sự tham gia của thầy cúng”¹⁶.

Một trong những chỉ số cho thấy, sự suy yếu của tôn giáo truyền thống của người Hmông thể hiện rõ qua chỉ số thầy cúng (Chí Nénh) trong cộng

đồng người Hmông suy giảm về số lượng. Không những thế, uy tín của họ trong cộng đồng cũng không còn được như trước đây vài thập niên. Chẳng hạn, năm 1930 riêng ở Bắc Hà Đông (Lùng Phình) có 38 làng Hmông thì có tới 788 Chí Nénh¹⁷. Nay, số Chí Nénh giảm đáng kể và điều đáng nói là vai trò của họ trong đời sống tinh thần của đồng bào Hmông cũng bị suy giảm nhiều. Đây là một trong những chỉ số cho thấy, sự suy giảm đáng kể của tôn giáo truyền thống của người Hmông trong xã hội hiện tại so với những thập niên trước đây. Lý do suy giảm tôn giáo truyền thống cũng đã được đề cập trong một số công trình¹⁸. Vương Duy Quang đưa ra những con số khá cụ thể về vai trò của thầy Chí Nénh trong việc chữa bệnh có xu hướng giảm trong thời gian gần đây qua câu hỏi: Ông bà hoặc người thân trong gia đình bị ốm, thường được chữa trị bằng cách nào? 54,55% số người được hỏi nói là sẽ mời thầy Chí Nénh¹⁹. Tuy nhiên, cả Trần Hữu Sơn và Vương Duy Quang đều chỉ đề cập tới sự sao nhãng các giá trị văn hóa và tôn giáo truyền thống như một trong nhiều tác nhân bên cạnh các tác nhân kinh tế - xã hội, nhận thức, v.v..

Nhìn nhận sự suy yếu của các tôn giáo truyền thống như một tác nhân cơ bản dẫn tới việc Tin Lành không gặp nhiều khó khăn trong việc truyền bá vào các dân tộc thiểu số được Nguyễn Xuân Hùng nhấn mạnh hơn so với nhiều tác nhân khác. Nguyễn Xuân Hùng cho rằng tất cả những nguyên nhân kinh tế - xã hội, nhận thức, v.v., trên đây đều chỉ là những tác nhân quan trọng, nhưng không phải cơ bản nhất. Dựa trên những nghiên cứu thực địa về sự truyền bá Tin Lành nơi các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên, Nguyễn Xuân Hùng cho rằng tất cả những tác nhân: sự phát triển kinh tế thị trường, sự phát triển của các phương tiện truyền thông, trao đổi văn hóa, di cư, v.v., dẫn tới sự suy yếu của các tôn giáo truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, khiến cho uy tín của các già làng, trưởng bản suy giảm. Lớp người này không còn là những biểu tượng tinh thần của một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc thiểu số. Sức đề kháng của các dân tộc này trước ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa và tôn giáo ngoại lai bị suy giảm và đây là cơ hội “ngàn năm có một” cho sự bám rễ của Tin Lành. “Không phải đời sống kinh tế khó khăn, hay âm mưu của địch, dùng tiền mua chuộc hay việc truyền giáo lôi cuốn... có thể dễ dàng ngày một ngày hai thu hút được người dân tộc thiểu số cải đạo, theo đạo đồng loạt (như những nghiên cứu về Tin Lành trước 1975 cho thấy). Tính đột biến chỉ xảy ra khi hạt nhân tôn giáo cổ truyền của người dân tộc thiểu số vì những tác động (trong một thời gian

dài) của kinh tế khó khăn, kết cấu cộng đồng, văn hóa, lối sống, có nhiều thay đổi làm cho nó không còn đứng vững nữa, không còn miễn dịch được trước sự tấn công từ bên ngoài”²⁰. Đây là một nhận định có tích thuyết phục và có giá trị khoa học.

Những kết quả nghiên cứu thực địa của chúng tôi càng củng cố thêm những nhận định trên đây là có cơ sở. Cụ Ma Khải Sò, sinh năm 1930 ở Quần Bạ, Hà Giang, một người Hmông có uy tín và nhiều hiểu biết về văn hóa tôn giáo của đồng bào dân tộc mình cho rằng, một bộ phận người Hmông hiện tại, nhất là lớp trẻ, không còn mặn mà với văn hóa truyền thống của dân tộc mình, không ít người không còn biết thổi khèn. Ông cho biết, có trực tiếp hỏi một số người Hmông theo Tin Lành, hỏi lý do tại sao họ bỏ việc cúng ma của ông cha, thì đều nhận được câu trả lời là: Có ai dạy chúng cháu những điều đó đâu. Chúng cháu chỉ biết lơ mơ thôi. Giờ có bác dạy, chỉ bảo chúng cháu những tập tục đó của người Hmông mình thì chúng cháu mới biết, mới tỏ. Vậy, từ nay, chúng cháu không theo Tin Lành nữa. Đó cũng là ý kiến của ông D K., tỉnh Cao Bằng.

Hỏi: Theo bác, tại sao hiện nay một bộ phận người Hmông ta theo Tin Lành hay tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh?

Trả lời: Sự xói mòn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, bị tác động tiêu cực của xã hội đẩy nhiều người Hmông vào thế khủng hoảng niềm tin. Bức xúc trước những bất công xã hội. Một bộ phận khao khát đổi đời. Tin Lành đáp ứng nhu cầu đó vì đó là tôn giáo cải cách. Những người theo đạo nghĩ rằng theo đạo là cách để người Hmông tự cứu lấy mình.

Chính sách của nhà nước đối với người Hmông chưa phù hợp càng làm cho sự suy giảm lòng tin nơi đồng bào. Theo ông D K., chúng ta còn hiểu quá ít về người Hmông, chưa đủ để đề ra chính sách, giải pháp đối với người Hmông. Có thể vì chính quyền, đoàn thể, hệ thống chính trị của ta là một cái búa to. Nhưng cái búa to chưa hẳn đã có thể đập chết con bò, trong khi ta chỉ cần cái búa đinh thôi trong chính sách đối với người Hmông²¹.

Theo những nghiên cứu sơ bộ của chúng tôi, trong vấn đề này, người Hmông ở Việt Nam nói chung, Tây Bắc nói riêng, cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Một số chính sách cực đoan của các cấp chính quyền đối với tàn dư của xã hội quân chủ, chống mê tín xuất phát từ quan điểm đấu tranh giai cấp ấu trĩ từ sau năm 1954 làm suy yếu các giá trị tôn

giáo truyền thống của đồng bào Hmông nói riêng, đồng bào nhiều dân tộc ở Việt Nam nói chung. Nhiều dân tộc thiểu số đang bị mai một về chữ viết, trang phục, nếp sống văn hóa, tín ngưỡng dưới tác động của nhiều nguyên nhân. Dưới cái nhìn “phản phong”, nhất là trong thời kỳ trước Đổi mới, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc ít người bị coi là mê tín, dị đoan, nhằm nhí, v.v., cho đó là những tàn dư của nghèo nàn lạc hậu, của xã hội cũ, của chế độ quân chủ, thực dân, người bóc lột người, rồi tìm cách xóa bỏ chúng. Vô hình trung, chúng ta đã làm suy yếu các giá trị truyền thống của các tộc người này. Những hạn chế trong chính sách dân tộc trước đây, đặc biệt thời kỳ trước Đổi mới làm suy yếu các hệ giá trị văn hóa và tôn giáo truyền thống và điều này một cách gián tiếp, tạo điều kiện cho sự phát triển của Tin Lành nơi đây. Bản thân sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông cũng góp một phần trong việc làm suy giảm tôn giáo truyền thống của người Hmông và các tộc người thiểu số nói chung. Trong bối cảnh “sức đề kháng” bị suy yếu nên đồng bào Hmông gặp nhiều khó khăn trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa tôn giáo truyền thống, chống lại sự xâm nhập của Tin Lành nói riêng, các tôn giáo ngoại lai nói chung.

Mãi tới gần đây, các cấp chính quyền mới ý thức được vấn đề, tìm cách tái phát huy vai trò của thầy Shaman, đội ngũ các già làng, trưởng bản, những người có uy tín vùng đồng bào các dân tộc ít người. Tuy vậy, phần nhiều đó vẫn chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu trong nhận thức của một số cán bộ, những công việc thực hiện cụ thể chưa được là bao. Điều này khó có thể thực hiện nếu chúng ta không có những biện pháp thực sự có hiệu quả, chứ không phải chỉ là những hành động nhất thời, mang tính giải pháp tình huống, chủ yếu mang tính chất tuyên truyền cho những mục tiêu chính trị.

Trong một thời gian dài, từ những năm 1960 tới đầu những năm 1990, lễ “Nào xồng” và hội “Gầu tào” bị quy là mê tín và bị cấm đoán. Chính quyền sợ những người về dự các lễ hội này đông, dễ đánh nhau ảnh hưởng an ninh xã hội. Người Hmông ăn tết cổ truyền kéo dài cả tháng với nhiều lễ hội. Nay họ được tuyên truyền chống lãng phí, giới hạn việc ăn tết chỉ vài ngày. Do vậy, nhiều lễ hội, vui chơi cũng bị giới hạn. Một số nơi, chính quyền dùng các biện pháp cực đoan, bắt nhốt những “Chí Nénh”, đưa đi cải tạo lao động như những tội phạm. Việc làm suy yếu vai trò của Chí Nénh của các cấp chính quyền trước Đổi mới vô hình chung lại là một trong những tác nhân khiến Tin Lành phát triển vùng đồng bào Hmông.

Nay các lễ hội này được mở lại, nhưng bắt đầu có những biến đổi. Nhiều trường hợp sự “kết duyên” này không tương thích. Chẳng hạn, lễ “Nào xông” truyền thống chủ yếu là cấm gia súc thả rông trong vụ gieo trồng, bảo vệ rừng cấm, chống trộm cướp. “Nào xông” bên cạnh những nghi lễ truyền thống còn kèm theo những quy ước “nếp sống văn hóa”. Ngày hội “Gầu tào” cây nêu được “thay” bằng lá cờ đỏ sao vàng. Tang lễ bên cạnh những nghi lễ truyền thống, nay có thêm các nghi lễ tới thăm, chia buồn, mặc niệm của chính quyền địa phương. Một số nghi lễ truyền thống tại các lễ hội này đang bị mai một, chỉ còn lại trong ký ức của người già như lễ đuổi rui ro “Tu su”, lễ ăn ước “Nào xông”, lễ cúng “Lùng sán”. Nay số thanh niên biết hát dân ca, chơi các trò chơi dân gian, chơi các nhạc cụ truyền thống, múa khèn, v.v., giảm nhiều. Tỷ lệ những người còn biết hát dân ca, chơi các nhạc cụ truyền thống, nắm vững các thuần phong mỹ tục của dân tộc mình, v.v., chủ yếu là lớp người già và trung niên.

3. Kết luận

Như vậy, việc một bộ phận người Hmông theo Tin Lành xuất phát từ tổng hợp của nhiều nguyên nhân khác nhau, có những căn nguyên nội tại của cộng đồng này và cả những tác nhân bên ngoài. Nhưng căn nguyên cơ bản nhất chính là sự suy yếu, khủng hoảng tôn giáo của tộc người này khiến một bộ phận người Hmông không còn mặn mà với tôn giáo truyền thống, tạo ra khoảng trống tâm linh để Tin Lành và một số tôn giáo mới có cơ hội truyền bá.

Việc xác định nguyên nhân cơ bản khiến một bộ phận người Hmông theo Tin Lành trên đây là những nhận định ban đầu. Cần tiếp tục có những nghiên cứu để đề ra các giải pháp cụ thể đối với người Hmông truyền thống cũng như bộ phận đồng bào đã theo Tin Lành. Đầu vậy, những phân tích trên đây là quan trọng, cũng giống như việc chẩn đoán bệnh. Muốn chữa khỏi bệnh trước hết phải chẩn đoán đúng bệnh. Chẩn đoán bệnh sai thì hoặc là phương pháp điều trị sai hoặc vô phương cứu chữa./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Cộng đồng người Hmông ở Việt Nam hiện có khoảng 1,14 triệu đồng bào cư trú, tập trung nhiều nhất ở Hà Giang (231.464 người), Điện Biên (170.548 người), Sơn La (157.263 người), Lào Cai (146.147 người), Lai Châu (83.324 người), Yên Bái (81.921 người) và ở nhiều tỉnh khác thuộc miền núi phía Bắc. Về số liệu người Hmông trên thế giới, đông nhất là ở Trung Quốc với khoảng 9,6 triệu

- người (2000), tạo thành tộc người đông thứ 5 ở nước này. Tiếp đó là ở Việt Nam, với trên 1 triệu người (2009), Lào có gần nửa triệu (2005). Riêng ở Mỹ cộng đồng người Hmông có tới 270 ngàn người (2010), hình thành chủ yếu do sự di cư của đồng bào Hmông từ khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh Việt Nam.
- 2 Như chúng ta biết, không phải ngay từ đầu người Hmông đã nhận thức và theo các hệ phái Tin Lành, mà có giai đoạn theo Công giáo, rồi về tên gọi, có lúc đồng bào gọi là Vàng Trứ. Ở đây, Vàng Trứ về thực chất là tên gọi Tin Lành trong cộng đồng người Hmông.
 - 3 Một số người Hmông ở Việt Nam cũng chủ động sang Trung Quốc tụ họp, học giáo lý, nhận tài liệu truyền đạo, rồi trở lại Việt Nam hoạt động. Xem: Đỗ Quang Hưng, *Tôn giáo, tín ngưỡng trong các dân tộc thiểu số dọc biên giới Việt - Trung*, Cổng thông tin điện tử Văn hóa - Thể thao và Du lịch Lào Cai, ngày 18/3/2013.
 - 4 Phạm vi của Ban Chỉ đạo Tây Bắc gồm 12 tỉnh, cụ thể Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, cùng miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Số liệu người Hmông theo Tin Lành trên đây chưa kể số người Hmông theo Tin Lành di cư vào Tây Nguyên trên 30.000 người.
 - 5 Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội: 203 - 205.
 - 6 F. M. Savina (1924), *Lịch sử người Mèo* (Histoire des Miao), Hong Kong. Bản dịch đánh máy từ liệu Viện Dân tộc học.
 - 7 Nguyễn Văn Thắng (chủ biên, 2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”*. *Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của Tin Lành*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 149 - 160.
 - 8 Nguyễn Văn Thắng (chủ biên, 2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”...*, sđd: 115 - 116.
 - 9 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 180 - 181.
 - 10 Tài liệu nghiên cứu điền dã, tháng 1/2015 ở Điện Biên.
 - 11 Thảo Xuân Sùng (chủ biên, 2009), *Dân tộc Hmông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 82, 86.
 - 12 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 184.
 - 13 Vương Duy Quang (2003), “Vấn đề xưng vua của người Hmông”, *Dân tộc học*, số 2: 35.
 - 14 Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội: 186.
 - 15 Thảo Xuân Sùng (chủ biên, 2009), *Dân tộc Hmông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 37.
 - 16 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 60.
 - 17 Báo cáo của đại lý Bắc Hà năm 1930, bản dịch kho lưu trữ bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, ký hiệu A175. Dẫn theo: Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 56.
 - 18 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội: 187.
 - 19 Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội: 150.
 - 20 Nguyễn Xuân Hùng (2012), *Một số vấn đề của Tin Lành giai đoạn 2011 - 2020*, Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Công trình đã được nghiệm thu tháng 9/2012: 60.
 - 21 Tài liệu nghiên cứu điền dã, tháng 6/2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Hùng (2012), *Một số vấn đề của Tin Lành giai đoạn 2011 - 2020*, Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
2. Đỗ Quang Hưng, *Tôn giáo, tín ngưỡng trong các dân tộc thiểu số dọc biên giới Việt - Trung*, Công thông tin điện tử Văn hóa - Thể thao và Du lịch Lào Cai, ngày 18/3/2013.
3. Vương Duy Quang (2003), “Vấn đề xưng vua của người Hmông”, *Dân tộc học*, số 2.
4. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
5. Savina F. M. (1924), *Lịch sử người Mèo* (Histoire de Ueao), Hong Kong. Bản dịch đánh máy tư liệu Viện Dân tộc học.
6. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
7. Thảo Xuân Sùng (chủ biên, 2009), *Dân tộc Hmông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Tài liệu nghiên cứu điền dã, tháng 1/2015 ở Điện Biên.
9. Nguyễn Văn Thắng (chủ biên, 2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới” - Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của Tin Lành*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Abstract**A FURTHER DISCUSSION ON THE CAUSES LED A PART OF HMONG PEOPLE CONVERTED TO PROTESTANTISM**

In recent years, the rapid expansion of Protestantism in Hmong community and some other ethnic minorities in the North-West Vietnam has caused many changes. The Hmong and the other ethnic minorities have lived in many Asian countries such as China, Vietnam, Laos, Thailand, and Myanmar, so the religious conversion has not been an issue of Vietnam but it has also been a common problem in many countries. In Vietnam, the speedy development of Protestantism in Hmong community and some other ethnic minorities has led to positive and negative impacts on many aspects of politics, culture and society. Despite in the context of summary 10 years of implementation of *Directive No.01/2005/CT-TTg of the Vietnam Prime Minister on some tasks toward Protestantism*, many local authorities have confused. This article explained the causes that led to the conversion of a part of Hmong people to Protestantism. It is an initial outline, so we need to have a deep research in order to have comprehensive evaluations.

Keywords: Hmong people, Protestantism, ethnic minority, conversion.